

Bản án số: **48/2026/HS-ST**
Ngày: 31/03/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tùng

Ông Bùi Khánh Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang là Thư ký - Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 03 năm 2026, đối với bị cáo:

Phan Văn Đ, sinh năm: 1991, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 0750.9101.0909, ngày cấp 04/11/2024, nơi cấp Bộ Công an; nơi thường trú: **Tổ A, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn T**, sinh năm 1960 và con bà **Nguyễn Thị N** (đã chết); bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba anh em; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 22/03/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là Tòa án Nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai) xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Giao cấu với trẻ em” tại bản án số 47/2018/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 29/01/2020 (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/06/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án Nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai) xử phạt 07 năm 04 tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo bản án 86/2024/HS-ST. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại **Trại giam Đ1**. (Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Ông **Vi Công M**, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Bá Hòa B**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Trần Nguyệt Á**, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Phan Văn Đ** là người không có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định của pháp luật.

Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 03/12/2021, **Phan Văn Đ** điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter mang biểu số 60B8-257.48 lưu thông trên tuyến đường liên phường X - B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, tỉnh Đồng Nai) theo hướng đi về cầu vượt Quốc Lộ A. Khi đến đoạn đường cong về bên phải thuộc khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, tỉnh Đồng Nai) do lái xe với tốc độ cao (khoảng 70-80km/h) Đoàn không làm chủ được tay lái khiến xe lấn sang phần đường bên trái, va chạm với xe mô tô biển số 60U1-1362 do ông **Vi Công M**, sinh năm 1968, ngụ tại khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai điều khiển, chở theo ông **Võ Bá Hòa B**, sinh năm 1976, ngụ tại khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai, đang lưu thông theo hướng ngược lại. Sau va chạm mạnh, xe mô tô do ông **M** điều khiển bị ngã về phía bên phải và tiếp tục va chạm với xe mô tô biển số 59X2-053.95 do bà **Trần Nguyệt Á**, sinh năm 1975, ngụ tại khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai điều khiển. Sau đó, **Đ** và ông **M** được người dân xung quanh đưa đi Bệnh viện Đ2 để điều trị; ông **B**, bà **Á** chỉ bị xây sát ngoài da, thương tích không đáng kể.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường ngày 03/12/2021 và biên bản dựng lại hiện trường và sơ đồ dựng lại hiện trường ngày 30/06/2025 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ lập, xác định khu vực nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường nhựa cong, mỗi bên rộng bằng nhau 03,5m theo hướng Quốc lộ A đi X và được thể hiện như sau:

+ Xe mô tô biển số 60B8-257.48 tại hiện trường xe ngã bên phải, đầu xe hướng mép đường bên phải, đuôi xe hướng mép đường bên trái. Vết cày (VC1) tại hiện trường không liên tục, có chiều dài là 0,3m; chiều rộng là 0,5m. Đầu vết cày cách mép đường bên phải là 3.85m, đối với vết cày (VC2) là 0,4m. Cuối vết cày là vị trí xe mô tô 60B8-257.48.

+ Xe mô tô biển số 60U1-1362 tại hiện trường, xe ngã sang bên phải, đầu xe hướng mép đường bên phải, đuôi xe hướng mép đường bên trái, đầu xe hướng mép

đường bên phải. Vết cày (VC2) tại hiện trường không liên tục, có chiều dài là 3,3m, rộng là 0,6m. Đầu vết cày cách mép đường bên phải là 2,75m. Cuối vết cày là vị trí xe mô tô 60U1-1362.

+ Xe mô tô 54X2-05396 tại hiện trường xe ngã bên phải, đầu hướng ra ngoài. Tâm trục trước cách mép đường bên phải là 1,95m; tâm trục sau cách mép đường bên phải là 3,05m.

+ Trên đoạn đường ở khu vực nơi xảy ra vụ tai nạn, mặt đường có sự thay đổi so với hiện trường ban đầu từ 5,5m đến 7,0m do quá trình nâng cấp, cải tạo đường, mở rộng của cơ quan nhà nước.

Tại bản kết luận giám định số 890/KL-KTHS ngày 29/04/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: - Bên trái xe mô tô mang biển số: 60B8-257.48 (dấu vết xước và dính chất màu trắng tại đầu dưới giảm sóc trái; dấu vết nứt vỡ, biến dạng cụm đèn tín hiệu và yếm chắn gió trái; dấu vết nứt vỡ, biến dạng cụm đèn tín hiệu và yếm chắn gió trái; dấu vết nứt vỡ bên trái chóa đèn chiếu sáng, ốp nhựa đầu xe rơi ra ngoài; dấu vết nứt vỡ, biến dạng gương chiếu hậu và yếm chắn gió bên trái; dấu vết trượt xước, nứt vỡ, khuyết kim loại chụp lốc máy, cần số và khung gác chân trước bên trái cong về sau) có chiều từ trước ra sau; phù hợp va chạm với bên trái mô tô mang biển số: 60U1-1362 (dấu vết trượt xước, khuyết kim loại và mất sơn màu bạc tại đầu dưới giảm sóc trái; dấu vết trượt xước tại yếm chắn gió trái; dấu vết nứt vỡ, biến dạng của chụp lốc máy trái, cần số và khung gác chân trước cong về sau) có chiều từ trước ra sau.

- Hệ thống dấu vết trượt xước, mài mòn tại các chi tiết bên phải: đầu tay cầm lái, ốp trước tay lái, yếm chắn gió, cụm đèn tín hiệu, bàn đạp thắng, khung gác chân trước, ốp nhựa thân xe, ốp ống xả cùng thanh nâng xe của mô tô mang biển số: 60B8-257.48 có chiều từ phải qua trái; phù hợp va chạm mặt đường.

- Hệ thống dấu vết nứt vỡ, trượt xước, mài mòn tại các chi tiết bên phải; vè chắn bùn, cần gương chiếu hậu, đầu tay cầm lái, đầu tay thắng, ốp đèn tín hiệu, yếm chắn gió, cần thắng chân, khung gác chân trước và sau cùng ốp ống xả của xe mô tô mang biển số: 61U1-1362 có chiều từ phải qua trái; phù hợp va chạm mặt đường.

- Căn cứ vào dấu vết, vật chứng và hồ sơ vụ tai nạn gửi giám định, xác định: Vùng va chạm đầu tiên giữa xe mô tô mang biển số 60B8-357.48 và xe mô tô mang biển số 60U1-1262 chiếu xuống mặt đường nằm trước vết cày ký hiệu số 2 và số 3 trong sơ đồ hiện trường.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 420/CN-BV ngày 07/3/2022 của Bệnh viện Đ2, thể hiện: ông Vi Công M vào viện lúc 11 giờ 47 phút, ngày 03/12/2021 có những thương tích sau: Vỡ hồi tràng; vết thương bàn tay trái gãy xương bàn 3, 4, 5; gãy xương đốt 1 ngón 3, 4, 5; mất phần đốt 3 ngón tay 2, đứt gân vùng 2 ngón 4, vết thương bàn chân trái gãy chỏm xương bàn 2, 3, 4 trật khớp bàn ngón 5.

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số

2815/KLTTCT-C09B ngày 03/7/2025, Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Viện khoa học hình sự kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định về tỷ lệ phần trăm tổn thương trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông **Vi Công M** tại thời điểm giám định là 79%, áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư.

Quá trình điều tra, bị cáo **Phan Văn Đ** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-TN ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai truy tố **Phan Văn Đ** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung đơn xin xét xử vắng mặt và lời khai của họ tại cơ quan điều tra.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo **Phan Văn Đ**. Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 01 tiền án về tội “Giao cấu với trẻ em” và nhân thân xấu về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phan Văn Đ** mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Hiện bị cáo **Đ** đang chấp hành án 07 năm 04 tháng tù (Theo Bản án 86/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của TAND khu vực 4 - Đồng Nai) tại **Trại giam Đ1**, nên đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ông **Vi Minh C** không yêu cầu **Phan Văn Đ** bồi thường nên không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ,

ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 290 và 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã làm rõ được tội danh của bị cáo. Cụ thể, khoảng 11 giờ 10 phút ngày 03/12/2021, tại đoạn đường B - X, thuộc khu phố B, phường X, tỉnh Đồng Nai, Phan Văn Đ không có giấy phép lái xe theo quy định pháp luật, điều khiển xe mô tô biển số 60B8-257.48, không giảm tốc độ, không làm chủ được tay lái, đi không đúng phần đường quy định dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 60U1-1362 do ông Vi Công M điều khiển. Hậu quả làm cho ông M bị thương tích với tỷ lệ là 79%.

Hành vi nêu trên của Phan Văn Đ đã vi phạm khoản 9, Điều 8; khoản 1, Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định:

“9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định”.

Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Hành vi trên đây của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, hậu quả bị cáo gây ra thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự: “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên*” với tình tiết định khung là “*Không có giấy phép lái xe*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng số 16/CT-VKSKV4 ngày 05/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[2.2] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc bị cáo không chấp hành các quy tắc an toàn giao thông đường bộ, trực tiếp xâm phạm đến trật tự giao thông công cộng, gián tiếp gây thiệt hại đến sức khỏe của người tham gia giao thông. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- *Về nhân thân*: Ngày 14/06/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án Nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai) xử phạt 07 năm 04 tháng tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại **Trại giam Đ1**.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Ngày 22/3/2018, Đoàn bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai) xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “*Giao cấu với trẻ em*”, chưa được xóa án tích nên hành vi nêu trên của **Đ** được xác định là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo **Phan Văn Đ** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, làm thiệt hại đến sức khỏe của người khác, gây ra sự khó khăn trong đi lại, sinh hoạt hằng ngày của bị hại. Do vậy, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Tuy nhiên, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cũng như đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 60U1-1362 mang tên **Vi Công M**. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** đã lại cho cho ông **Vi Công M** (Theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 11/6/2022) là phù hợp nên không xem xét.

- 01 xe mô tô biển số 60B8-257.48 do **Phan Văn Đ** điều khiển. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô này có số khung là RLCUG0610FY091529, số máy G3D4E-103086, mang biển số 60B4-465.19 do anh **Lê Quốc T2**, sinh năm 1993, ngụ tại **tổ B, ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai** đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, hiện chưa làm việc được với anh **T2** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông **Vi Công M** không yêu cầu **Phan Văn Đ** bồi thường nên không xem xét.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như đề nghị mức hình phạt là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Phan Văn Đ** phạm tội: “**Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ**”.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn Đ** **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 07 (Bảy) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là TAND Khu vực 4 – Đồng Nai), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **10 (Mười)** năm **10 (Mười)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2024.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Phan Văn Đ** phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai ;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Thị Tuyết Hạnh